

Số: /KH-SNN&PTNT

Thanh Hoá, ngày tháng 12 năm 2022

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ**  
**quản lý nhà nước năm 2022**

Căn cứ Quyết định số 221/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT; Phòng Nông nghiệp hoặc phòng Kinh tế UBND cấp huyện.

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá; Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022;

Căn cứ Công văn số 2706/SNV-TCBC, ngày 30/11/2022 của Sở Nội vụ Thanh Hóa về xây dựng, thẩm định kế hoạch thực hiện mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ trọng tâm và nhiệm vụ quản lý nhà nước năm 2022. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2022, như sau:

TT	Nội dung kế hoạch	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	Điểm chuẩn tối đa	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - XH và NV trọng tâm		15		
1	Mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội		12		

TT	Nội dung kế hoạch	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	Điểm chuẩn tối đa	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.1	Tốc độ tăng trưởng (VA) ngành nông, lâm, thủy sản	Tăng 3,6%	2	Năm 2022	
1.2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	1,530 triệu tấn	2	Năm 2022	
1.3	Diện tích đất được tích tụ, tập trung để sản xuất nông quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, theo hướng công nghệ cao	7.330 ha	2	Năm 2022	
1.4	Tỷ lệ che phủ rừng	53,6%	2	Năm 2022	
1.5	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	97%	2	Năm 2022	
1.6	Số huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới	02 huyện, 18 xã đạt chuẩn NTM; 22 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 07 xã NTM kiểu mẫu.	2	Năm 2022	
<b>2</b>	<b>Nhiệm vụ trọng tâm</b>		<b>3</b>		
2.1	Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đẩy mạnh cải cách hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường chỉ đạo và thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh cải cách hành chính.</li> <li>- Xây dựng đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thuộc Sở đảm bảo các quy định tại Nghị định 107/NĐ-CP và Nghị định 120/ NĐ-CP của Chính phủ.</li> <li>- Thực hiện tốt quy chế làm việc; quy chế đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công chức, viên chức.</li> </ul>	1,5	Năm 2022	
2.2	Đẩy mạnh phát triển trồng trọt theo hướng ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ gắn với chuỗi giá trị, từng bước chuyển đổi số trong sản xuất trồng trọt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng lương thực giữ mức 1,5 triệu tấn; tốc độ tăng giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt năm 2022 đạt 2,4% (giá so sánh 2010).</li> <li>- Tổng diện tích gieo trồng hàng năm 394 nghìn ha; sản lượng lương thực đạt 1,5 triệu tấn</li> </ul>	1,5	Năm 2022	
<b>II</b>	<b>Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước</b>		<b>46</b>		

TT	Nội dung kế hoạch	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	Điểm chuẩn tối đa	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	<b>Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực</b>		22		
1.1	<p>Trồng trọt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng, tổ chức triển khai Phương án sản xuất ngành trồng trọt và phòng trừ sâu bệnh hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2022;</li> <li>- Thực hiện công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực trồng trọt, BVTV, VSATTP; tăng cường hướng dẫn, tuyên truyền, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, thanh tra theo quy định và phân cấp;</li> <li>- Đẩy mạnh phát triển trồng trọt theo hướng ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ gắn với chuỗi giá trị, từng bước chuyển đổi số trong sản xuất trồng trọt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng lương thực giữ mức 1,5 triệu tấn; tốc độ tăng giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt năm 2022 đạt 2,4% (giá so sánh 2010).</li> <li>- Tham mưu Ban hành văn bản chỉ đạo, Phương án triển khai; trực tiếp tổ chức thực hiện; tăng cường đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra; tổng hợp báo cáo kết quả;</li> <li>- Tổ chức hướng dẫn thực hiện tốt các cơ chế chính sách của Trung ương và của tỉnh đã ban hành đối với sản xuất ngành trồng trọt.</li> <li>- Tổng diện tích gieo trồng hàng năm 394 nghìn ha; sản lượng lương thực đạt 1,5 triệu tấn</li> </ul>	2,5	Năm 2022	
1.2	<p>Chăn nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh kiểm soát tốt các loại dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, động vật thủy sản, tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi phát triển bền vững</li> <li>- Triển khai thực hiện tốt công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm.</li> <li>- Xây dựng các chuỗi chăn nuôi, khu chăn nuôi tập trung, trang trại chăn nuôi đạt tiêu chuẩn chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, theo chuỗi giá trị; cấp giấy chứng nhận cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh cho trên 20 cơ sở chăn nuôi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục tiêu phát hiện sớm, xử lý kịp thời, nhanh chóng dập tắt các ổ dịch ngay trong diện hẹp không để lây lan ra bên ngoài, đặc biệt là các bệnh Cúm gia cầm, LMLM, DTLCP, Tụ huyết trùng trâu bò, bệnh trên động vật thủy sản,... riêng đối với bệnh VDNC trâu bò kiểm soát tốt và giảm 30% số ổ dịch phát sinh so với năm 2021 theo Kế hoạch số 255/KH-UBND của UBND tỉnh.</li> <li>- Tiêm phòng vắc xin đại trên đàn chó, mèo đạt 90% diện tiêm, LMLM và THT trâu, bò đạt 80% diện tiêm, dịch tả, tụ máu lợn đạt 70% diện tiêm, cúm gia cầm đạt 90% diện tiêm.</li> <li>- Đảm bảo 100% động vật làm giống được kiểm dịch, 90% lượng gia súc, gia cầm lưu thông ra</li> </ul>	2,5	Năm 2022	

TT	Nội dung kế hoạch	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	Điểm chuẩn tối đa	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		ngoài tỉnh, 95% lượng gia súc, gia cầm đi qua các trạm, chốt kiểm dịch được thực hiện kiểm dịch.			
1.3	<p>Lâm nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường công tác quản lý rừng, thực hiện theo dõi, cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh</li> <li>- Triển khai và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác, phòng cháy chữa cháy rừng, giữ vững ổn định an ninh rừng tại gốc</li> <li>- Tăng cường thực hiện công tác phát triển và sử dụng rừng; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác; Triển khai thực hiện các giải pháp về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã; thực hiện có hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ, đề tài, dự án bảo tồn thiên nhiên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cập nhật kịp thời diện tích rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp có biến động, nâng độ che phủ rừng đạt 53,6%.</li> <li>- Trồng rừng 10.000 ha; Chăm sóc rừng trồng 40.000 ha; Bảo vệ 600.836 ha; trồng 6,195 triệu cây phân tán; khai thác 860.000 m<sup>3</sup>; 61,4 triệu cây tre, luồng; 81.600 tấn nguyên liệu giấy.</li> <li>- Đảm bảo an ninh rừng; giảm 10% trở lên số vụ vi phạm và lâm sản thiệt hại tại gốc; không có vụ cháy rừng lớn và nghiêm trọng.</li> </ul>	3	Năm 2022	
1.4	<p>Thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển nuôi trồng hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái; tiếp tục triển khai tốt kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025.</li> <li>- Phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; đẩy mạnh khai thác xa bờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích nuôi tôm chân trắng thâm canh 570 ha đạt 9.000 tấn.</li> <li>- Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, thanh tra hoạt động của tàu cá và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để cùng với cả nước gỡ “thẻ vàng” của UB Châu Âu.</li> </ul>	3	Năm 2022	
1.5	<p>Thủy lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham mưu công tác quản lý nhà nước về chỉ đạo thực hiện tưới và chống hạn, xâm nhập mặn cuối vụ CX đầu vụ Mùa 2022, tạo nguồn nước đảm bảo nguồn nước ngọt phục vụ sinh hoạt cho người dân và các ngành kinh tế khác;</li> <li>- Tham mưu công tác phòng chống ngập úng, đảm bảo an</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo nước tưới và tiêu úng cho 310.000 ha/năm,</li> <li>- Tạo nguồn nước cho sinh hoạt của người dân và các ngành Công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh,</li> <li>- An toàn hồ đập, đề điều cho 610 hồ, 1008 km đê trong mùa mưa lũ,</li> </ul>	3	Năm 2022	

TT	Nội dung kế hoạch	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	Điểm chuẩn tối đa	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	<p>toàn hồ đập, đê điều và phòng, chống thiên tai trong tình hình biến đổi khí hậu mưa bão lũ cực đoan;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham mưu phát triển thủy lợi và PCTT trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Pháp luật và quy hoạch tỉnh Thanh Hóa sau khi được duyệt, xây dựng cơ sở dữ liệu về thủy lợi đê điều và PCTT, áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý khai thác tổng hợp công trình thủy lợi;</li> <li>- Tham mưu cho Sở, UBND tỉnh, phối hợp với Bộ ngành Trung ương và các Sở ban ngành cấp tỉnh trong việc triển khai nghiên cứu dự án thủy lợi thủy điện theo kế hoạch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các công trình thủy lợi, đê điều và PCTT trên địa bàn tỉnh đầu tư theo đúng Quy hoạch được duyệt, tập trung các dự án lớn có tính chất lan tỏa và ứng phó với BĐKH,</li> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu về CTTL, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT và KOICA trong việc triển khai dự án đưa KHCN vào công tác quản lý, điều hành hồ trên lưu vực sông Mã.</li> </ul>			
1.6	<p>Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản: Tham mưu thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban chỉ đạo quản lý về vệ sinh an toàn thực phẩm giao.</p>	<p>Có trên 82% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; tỷ lệ mẫu thực phẩm nông lâm thủy sản giám sát trên diện rộng vi phạm quy định về ô nhiễm sinh học, tạp chất, tồn dư thuốc BVTV, thuốc thú y, kháng sinh giảm 10% so với năm 2021; xây dựng 2 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; xây dựng 4 bản tin thị trường và tiêu thụ nông sản tỉnh Thanh Hóa...</p>	2	Năm 2022	
1.7	<p>Phát triển nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai thực hiện “Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025”</li> <li>- Xây dựng mức hỗ trợ cho các đối tượng của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau khi trung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng điểm 2 mô hình HTX Lâm nghiệp có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện Thường Xuân và Thạch Thành.</li> <li>- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho 960 lượt cán bộ HTX; thành lập mới 14 HTX; hỗ trợ xúc tiến thương mại cho 15 HTX, hỗ trợ đầu tư xây dựng</li> </ul>	3	Năm 2022	

TT	Nội dung kế hoạch	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	Điểm chuẩn tối đa	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	ương có hướng dẫn). - Tham mưu sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP;	kết cấu hạ tầng, chế biến sản phẩm cho 23 HTX; phấn đấu tỷ lệ HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đạt 66% trở lên. - Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới Công ty lâm nghiệp Cẩm Ngọc và Công ty lâm nghiệp Lang Chánh.			
1.8	Xây dựng nông thôn mới: Nâng cao chất lượng tham mưu, phối hợp có hiệu quả với các ngành, địa phương triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững, đi vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn.	- Có 02 đơn vị cấp huyện; 83 thôn bản miền núi đạt chuẩn NTM; 22 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 07 xã, 59 thôn bản đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. - 120 sản phẩm OCOP cấp tỉnh	3	Năm 2022	
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao và chế độ thông tin báo cáo theo quy định</b>		<b>24</b>		
2.1	<i>Kế hoạch, chương trình, đề án trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh</i>		<b>8</b>		
2.1.1	Đề án phát triển thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Trình UBND tỉnh, BTV Tỉnh uỷ	1	Tháng 10	
2.1.2	Kế hoạch xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, có xác nhận, giai đoạn 2022 - 2025	Trình Chủ tịch UBND tỉnh	1	Quý I	
2.1.3	Kế hoạch tổ chức hội nghị kết nối cung - cầu, kết hợp trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông sản thực phẩm an toàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022	Trình Chủ tịch UBND tỉnh	1	Quý II	
2.1.4	Chương trình lấy mẫu giám sát ATTP trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025	Trình Chủ tịch UBND tỉnh	1	Quý II	

<b>TT</b>	<b>Nội dung kế hoạch</b>	<b>Chỉ tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>Điểm chuẩn tối đa</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
2.1.5	Đề án phát triển nuôi cá lồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Trình Chủ tịch UBND tỉnh	1	Quý III	
2.1.6	Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thông minh để hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; hình thành và phát triển các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ	Trình Chủ tịch UBND tỉnh	1	Quý III	
2.1.7	Xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 1)	Trình Chủ tịch UBND tỉnh	1	Quý III	
2.1.8	Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2030	Trình Chủ tịch UBND tỉnh	1	Quý I	

Kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện./.

**Nơi nhận :**

- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ (để thẩm định);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (để thẩm định);
- Văn phòng UBND tỉnh (để thẩm định);
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

**Cao Văn Cường**

